

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**BÁO CÁO CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO**

*(Kèm theo công văn số 373/ĐHTN-SDH, ngày 25 tháng 03 năm 2013 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)*

---

Tên chuyên ngành đào tạo: **Kinh tế nông nghiệp**

Mã số: **8.62.01.15**

**THÁI NGUYÊN - 2021**

## **1. Tên chuyên ngành, mã số, quyết định giao chuyên ngành đào tạo:** Kinh tế nông nghiệp, Mã số: 8.62.01.15

Chương trình đào tạo *Kèm theo Quyết định số 1924/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 27/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm* về việc Ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

**2. Đơn vị quản lý chuyên môn:** Khoa Kinh tế và PTNT, Trường Đại học Nông Lâm – ĐH Thái Nguyên

## **3. Chuẩn đào ra của chuyên ngành đào tạo:**

### **3.1. Kiến thức**

Làm chủ kiến thức chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực Kinh tế nông nghiệp.

### **3.2. Kỹ năng**

Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong lĩnh vực Kinh tế nông nghiệp; Có khả năng áp dụng được các phương pháp tiếp cận mới trong phát triển nông thôn.

Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và làm việc chuyên môn (trình độ B1, tham chiếu khung châu Âu) để có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ; Bên cạnh đó, sử dụng được các phần mềm tin học ứng dụng trong thống kê kinh tế-xã hội.

### **3.3. Thái độ nghề nghiệp**

Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

## **4. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chuyên ngành**

#### 4.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chuyên ngành:

**Bảng 1. Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo chuyên nhanh**

T T	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh KH, Học vị, năm công nhận	Chuyên ngành được đào tạo	Số HVCH hướng dẫn đã bảo vệ/Số HVCH được giao hướng dẫn(2008-2020)	Số học phần/môn học trong CTĐT hiện đang phụ trách giảng dạy	Số công trình công bố trong nước trong 2008-2020	Số công trình công bố ngoài nước trong 2008-2020
1	Hà Quang Trung	1965	TS (2014)	Kinh tế NN	25/25	2	10	3
2	Nguyễn Thị Yên	1976	TS (2012)	Kinh tế phát triển	25/25	2	10	0
3	Nguyễn Văn Tâm	1981	TS (2016)	Quản lý NN	25/25	2	5	1
4	Đỗ Xuân Luận	1983	PGS 2020. TS, 2015	Kinh tế NN	15/15	2	20	5
5	Kiều Thị Thu Hương	1976	TS 2018	Kinh tế NN	15/15	2	10	1
6	Dương Hoài An	1971	TS (2016)	Kinh tế NN (bachelor, master), Kinh tế (Ph.D.)	15/15	2	12	3
7	Bùi Thị Thanh Tâm	1980	TS (2017)	Kinh tế NN	5/5	2	5	0
8	Hồ Lương Xinh	1984	TS (2018)	Kinh tế NN	3/3	2	9	0
9	Trần Lệ Thị Bích	1980	TS (2018)	Kinh tế NN	3/3	2	5	0

	Hồng							
10	Hà Thị Hòa	1984	TS (2016)	Nông nghiệp nhiệt đới	8/8	2	5	3
11	Đinh Ngọc Lan	1968	PGS 2010. TS, 2005	Kinh tế NN	25/25	3	24	6
12	Bùi Đình Hoà	1956	TS, 1993	Kinh tế NN	35/35	2	5	0
13	Nguyễn Hữu Thọ	1972	TS. 2015	Trồng trọt	5/5	1		
14	Vũ Thị Hiền	1986	TS (2020)	Kinh tế và Quản lý nông nghiệp	0	1	4	9
15	Hồ Văn Bắc	1981	TS (2018)	Kinh tế NN	0/3	2	7	7
16	Trần Văn Điền	1961	PGS 20 TS, 2010	Trồng trọt	12/12	1	5	2
17	Dương Văn Sơn	1960	PGS.2008	Trồng trọt	35/35	3	12	1
18	Nguyễn Thị Bích Ngọc	1984	TS 2020	Kinh tế phát triển	0	1	1	1

**Bảng 2. Đội ngũ cán bộ thỉnh giảng tham gia đào tạo chuyên ngành**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh KH, Học vị, năm công nhận	Chuyên ngành được đào tạo	Số HVCH hướng dẫn đã bảo vệ/Số HVCH được giao hưởng	Số học phần/môn học trong CTĐT hiện đang phụ	Số công trình công bố trong nước trong	Số công trình công bố ngoài nước trong 2008-
----	-----------	----------	--	------------------------------------	---	---	---	---

					<b>dẫn</b>	<b>trách giảng dạy</b>	<b>2008-2019</b>	<b>2019</b>

#### **4.2.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo**

- Năm bắt đầu đào tạo: 2016.
- Thời gian tuyển sinh: Tháng 3 và Tháng 9 hàng năm.
- Môn thi tuyển: Kinh tế nông nghiệp
- Môn thi Cơ sở: Kinh tế học;
- Môn Ngoại ngữ: Trình độ B Ngoại ngữ

Thời gian đào tạo: 2 năm

- Số tín chỉ tích lũy: 60 tín chỉ
- Tên văn bằng: Thạc sĩ Kinh tế nông nghiệp

#### **4.2.2. Chương trình đào tạo**

<b>MÃ SỐ HỌC PHẦN</b>		<b>TÊN HỌC PHẦN</b>	<b>SỐ TÍN CHỈ</b>
<b>PHẦN CHỮ</b>	<b>PHẦN SỐ</b>		
<b>I. CÁC HỌC PHẦN CHUNG</b>			<b>8</b>
PHI	831	Triết học	3
ENG	851	Tiếng Anh	5
<b>II. CÁC HỌC PHẦN CƠ SỞ (24 tín chỉ)</b>			<b>24</b>
<b>2.1. Các học phần cơ sở bắt buộc (12 TC)</b>			<b>12</b>

MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		
ECO	821	Kinh tế học	2
FIC	821	Tài chính- Tín dụng	2
DEE	821	Kinh tế phát triển	2
SRM	821	Phương pháp nghiên cứu kinh tế- xã hội	2
AEC	821	Kinh tế lượng nâng cao	2
PEM	821	Quản lý nhà nước về kinh tế	2
<b>2.2. Các học phần cơ sở tự chọn (12 TC)</b>			<b>12</b>
APA	821	Phân tích chính sách nông nghiệp	2
EIM	821	Quản lý thông tin kinh tế	2
FEC	821	Kinh tế nông trại	2
IBE	821	Kinh tế đối ngoại	2
RTD	821	Phát triển du lịch và du lịch nông thôn	2
ESD	821	Quản lý môi trường và Phát triển bền vững	2
CMT	821	Công nghệ xây dựng bản đồ địa chính	2
MSR	821	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2
ENS	821	Thống kê kinh tế xã hội môi trường	2

MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		
AGI	821	Ứng dụng viễn thám và hệ thống thông tin địa lý trong nghiên cứu quản lý môi trường	2
CLC	821	Biến đổi khí hậu	2
RED	821	Phát triển kinh tế vùng	2
<b>III. CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH (13 tín chỉ)</b>			<b>13</b>
<b>3.1. Các học phần chuyên ngành bắt buộc (7 TC)</b>			<b>7</b>
AGE	831	Kinh tế nông nghiệp	3
APM	821	Quản lý dự án nông nghiệp	2
AVC	821	Chuỗi giá trị trong nông nghiệp	2
<b>3.2. Các học phần chuyên ngành tự chọn (6 TC)</b>			<b>6</b>
MAR	821	Marketing nông nghiệp	2
RUD	821	Phát triển nông thôn	2
HIA	821	Nông nghiệp công nghệ cao	2
RMM	821	Quản lý thị trường bất động sản	2
CSR	821	Bồi thường hỗ trợ tái định cư	2
LPR	821	Định giá đất và bất động sản	2

MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ
PHẦN CHỮ	PHẦN SỐ		
ENP	821	Quy hoạch môi trường	2
POE	821	Rừng và môi trường	2
POS	821	Công nghệ môi trường	2
LMS	821	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	2
RDP	821	Quy hoạch phát triển nông thôn	2
AGM	821	Thị trường nông sản	2
EAE	821	Kinh tế môi trường	2
NPV	821	Tài chính phát triển	2
<i>Luận văn thạc sỹ</i>			<b>15</b>
<i>Tổng cộng</i>			<b>60</b>

#### 4.2.3. Mô tả chi tiết nội dung học phần

##### A. KHỐI KIẾN THỨC CHUNG (8 TÍN CHỈ)

##### PHI 651 (3 tín chỉ) - Triết học

Học phần kế thừa những kiến thức đã học trong chương trình đào tạo Triết học ở bậc đại học, phát triển và nâng cao những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học - công nghệ, những vấn đề mới của thời đại và đất nước. Học viên được học các chuyên đề chuyên sâu; kiến thức về nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng; những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử hình thành, phát triển của triết học nói chung và các trường phái triết học nói riêng. Trên cơ sở đó giúp cho học



viên có khả năng vận dụng kiến thức Triết học để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp.

### **ENG 651 (5 tín chỉ) - Ngoại ngữ**

Học phần cung cấp cho học viên kiến thức ngoại ngữ chuyên sâu về lĩnh vực chuyên môn, giúp cho học viên có thể đọc, dịch tài liệu phục vụ cho việc học tập các môn học chuyên ngành, nghiên cứu khoa học và hoàn thành luận văn thạc sĩ

## **B. KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ (24 TÍN CHỈ)**

### **1. Các học phần bắt buộc (12 tín chỉ)**

#### **ECO 821 - Kinh tế học (2 tín chỉ)**

Học phần kinh học kế thừa những kiến thức đã học trong chương trình đào tạo kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô ở bậc đại học. Học viên vận dụng được học các nguyên lý, các quy luật kinh tế để xử lý tình huống cụ thể trong quá trình vận hành của doanh nghiệp cũng như hoạt động của hộ gia đình. Hiểu được hành vi của hộ gia đình và doanh nghiệp trong việc tối đa hoá các mục tiêu. Cung cấp cho người học phân tích các nhân tố đầu vào cho hoạt động sản xuất và cách thức người lao động ra quyết định. Ngoài ra học phần này cũng xem xét vai trò của chính phủ tham gia vào kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, người học có thể đo lường các biến số kinh tế vĩ mô, xây dựng các mô hình kinh tế đơn giản, những biến động kinh tế trong ngắn hạn, các vấn đề của chu kỳ kinh tế, các biến động về tổng cung và tổng cầu và vai trò của các chính sách ổn định kinh tế của chính phủ như chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ.

#### **FIC 821 - Tài chính- Tín dụng (2 tín chỉ)**

Học phần này nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về thị trường tài chính nông thôn, tài chính dự án và tài chính của doanh nghiệp nông nghiệp. Nội dung chính của học phần: thị trường tài chính tín dụng nông thôn; tín dụng nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp; tài chính dự án nông nghiệp; tài chính doanh nghiệp nông nghiệp. Kết thúc học phần, học viên có khả năng trình bày được các vấn đề cơ bản về thị trường tài chính nông nghiệp, có khả năng đọc và phân tích được những chỉ tiêu tài chính cơ bản của dự án, đọc và đánh giá được tình hình tài chính cơ bản của doanh nghiệp. Ngoài ra, học viên có thể vận dụng các chủ đề đã học để viết luận văn thạc sĩ có liên quan đến các chủ đề về tài chính tín dụng nông nghiệp, nông thôn.

#### **DEE 821 - Kinh tế phát triển (2 tín chỉ)**

Học phần kinh phát triển kế thừa những kiến thức đã học trong chương trình đào tạo kinh tế phát triển ở bậc đại học, phát triển và nâng cao những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học - công nghệ, những vấn đề mới của thời đại và đất nước. Học viên được học các chuyên đề như tăng trưởng và phát triển kinh tế; Các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế; Chuyển dịch cơ cấu kinh tế; Các nguồn lực phát triển kinh tế (Vốn, lao động, tài nguyên thiên nhiên và khoa học công

nghệ); Ngoài ra môn học còn đề cập đến tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng trong quá trình phát triển kinh tế; Nông nghiệp, công nghiệp và ngoại thương trong quá trình phát triển kinh tế.

### **SRM 821 - Phương pháp nghiên cứu kinh tế- xã hội (2 tín chỉ)**

Học phần Phương pháp nghiên cứu kinh tế xã hội trang bị cho người học các kiến thức liên quan đến thông tin và dữ liệu; hiểu và giải thích được khái niệm kinh tế xã hội, các dạng nghiên cứu kinh tế xã hội, điều tra chọn mẫu; hiểu và giải thích được một số khái niệm và thuật ngữ được sử dụng trong nghiên cứu khoa học về kinh tế xã hội. Học viên có khả năng sử dụng thành thạo một số phương pháp và công cụ thu thập thông tin biết cách tổ chức xử lý và phân tích thông tin kinh tế xã hội biết cách trình bày kết quả nghiên cứu kinh tế xã hội

### **AEC 821 - Kinh tế lượng nâng cao (2 tín chỉ)**

Kinh tế lượng (econometrics) là một bộ phận của Kinh tế học, được hiểu theo nghĩa rộng là môn khoa học kinh tế giao thoa với thống kê và toán kinh tế. Hiểu theo nghĩa hẹp, là ứng dụng toán, đặc biệt là các phương pháp thống kê vào kinh tế. Kinh tế lượng lý thuyết nghiên cứu các thuộc tính thống kê của các quy trình kinh tế lượng, ví dụ như: xem xét tính hiệu quả của việc lấy mẫu, của thiết kế thực nghiệm... Kinh tế lượng thực nghiệm bao gồm: (1) ứng dụng các phương pháp kinh tế lượng vào đánh giá các lý thuyết kinh tế (2) phát triển và sử dụng các mô hình kinh tế lượng, tất cả để sử dụng vào nghiên cứu quan sát kinh tế trong quá khứ hay dự đoán tương lai. Thuật ngữ Kinh tế lượng (econometrics) lần đầu tiên được sử dụng vào năm 1910 bởi Paweł Ciompa. Hai mục đích chính của kinh tế lượng là (1) kiểm nghiệm lý thuyết kinh tế bằng cách xây dựng các mô hình kinh tế (mà có khả năng kiểm định được) và (2) chạy (estimate) và kiểm tra các mô hình đó xem chúng đưa ra kết quả chấp nhận hay phủ quyết lý thuyết kinh tế. Học phần này nhằm nâng cao năng lực của học viên trong ứng dụng các mô hình định lượng để phân tích mối liên hệ giữa các biến số kinh tế, qua đó tìm ra các bằng chứng khoa học giải thích các vấn đề kinh tế, và khuyến nghị chính sách. Thông qua học phần, học viên có thể vận dụng được một số mô hình vào phân tích số liệu của luận văn thạc sĩ của học viên.

### **PEM 821 - Quản lý nhà nước về kinh tế (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học những nội dung cơ bản của Quản lý Nhà nước về kinh tế, những nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng Quản lý Nhà nước về kinh tế. Từ đó người học có thể vận dụng vào trọng thực tiễn đời sống kinh tế xã hội cũng như trong nghiên cứu, ứng dụng vào quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **2. Các học phần tự chọn (12 tín chỉ)**

### **APA 821 - Phân tích chính sách nông nghiệp (2 tín chỉ)**

Học phần phân tích chính sách nông nghiệp nhằm trang bị cho học viên những nội dung liên quan đến chính sách nông nghiệp như cách thức hoạch định chính sách, cách thức phân tích chính sách, giới thiệu và trao đổi về hệ thống chính sách nông nghiệp, nông thôn hiện hành ở Việt Nam. Học viên thực hành sử dụng một số công cụ trong phân tích chính sách nông nghiệp, từ đó, vận dụng được trong thực tiễn phát triển nông nghiệp, nông thôn của địa phương.

### **EIM 821 - Quản lý thông tin kinh tế (2 Tín chỉ)**

Thông tin và thông tin kinh tế ngày càng đóng vai trò quan trọng. Đặc biệt trong kỷ nguyên số nó được coi như một đầu vào không thể thiếu được của mỗi hệ thống. Vì thế, việc trang bị kiến thức và kỹ năng quản lý thông tin kinh tế là rất cần thiết. Học phần gồm 3 phần: **Phần 1** hệ thống hoá các kiến thức về thông tin và thông tin kinh tế, **Phần 2** giới thiệu các hệ thống thông tin, phương pháp quản lý thông tin và thông tin kinh tế, **Phần 3** giới thiệu cách thức lưu trữ, bảo mật, sử dụng, chia sẻ thông tin và thông tin kinh tế vào các thiết bị hiện hành, bao gồm một số iCloud.

### **FEC 821 - Kinh tế nông trại (2 tín chỉ)**

Học phần Kinh tế nông trại cung cấp cho người học những vấn đề liên quan đến xây dựng, thực hiện về hoạt động của nông trại. Môn học cũng cung cấp cho người học những vấn đề cơ sở lý luận về kinh tế, kinh tế nông trại; thiết lập kế hoạch và thực hiện một mô hình kinh tế nông trại cụ thể. Sau học phần này, học viên có thể vận dụng kiến thức của môn học vào thực tế xây dựng, triển khai, quản lý mô hình kinh tế nông trại.

### **IBE 821 - Kinh tế đối ngoại (2 tín chỉ)**

Kinh tế đối ngoại là một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, kinh tế đối ngoại có vai trò đặc biệt quan trọng. Ý thức được vai trò quan trọng của kinh tế đối ngoại, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương, quan điểm định hướng cho hoạt động kinh tế đối ngoại. Điều này được ghi nhận trong các văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng khẳng định: “Nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế trong chặng đường đầu tiên cũng như sự nghiệp phát triển khoa học – kỹ thuật và công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa của nước ta tiến hành nhanh hay chậm, điều đó phụ thuộc một phần quan trọng vào việc mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại”. Đến Đại hội VII, Đảng ta chỉ rõ: “Đa dạng hoá, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế đối ngoại. Huy động tiềm năng của nền kinh tế, phát huy lợi thế tương đối, vừa đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất và đời sống trong nước, vừa hướng mạnh về xuất khẩu”.... Thông qua phát triển kinh tế đối ngoại, chúng ta đã bước đầu xây dựng được một số ngành kinh tế mũi nhọn, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng cường khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế. Kinh tế đối ngoại trở thành động lực cho tăng trưởng và phát triển đất nước, giúp khai thác được lợi thế về điều kiện tài nguyên, nguồn lao động, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập và nâng cao đời sống của nhân dân.

### **RTD 821 - Phát triển du lịch và du lịch nông thôn (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về phát triển du lịch và du lịch nông thôn. Vai trò của ngành du lịch với phát triển kinh tế; Phân tích những cơ sở lý luận cũng như thực tiễn đã và đang diễn ra trong phát triển ngành du lịch, đặc biệt là du lịch nông thôn hiện nay đang trở thành xu hướng chiến lược nhằm phát huy yếu tố cộng đồng văn hóa dân tộc thấm đậm ở khắp các miền quê Việt Nam; Cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển du lịch bền vững.

### **ESD 821 - Quản lý môi trường và Phát triển bền vững (2 tín chỉ)**

Học viên sẽ được trang bị những kiến thức về lượng và chất của phát triển bền vững, các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững, hiện trạng và thách thức về môi trường toàn cầu và Việt Nam, phương pháp đánh giá môi trường, các công cụ quản lý nhà nước về môi trường, vận dụng các công cụ quản lý môi trường trong thực tiễn Việt Nam, nội dung chính gồm: Những vấn đề môi trường bức xúc toàn cầu hiện nay; Lượng và chất của phát triển bền vững, các tiêu chí đánh giá phát triển bền vững, các nguyên tắc xây dựng xã hội phát triển bền vững; Nội dung, nguyên tắc quản lý môi trường, các công cụ quản lý nhà nước về môi trường; Vận dụng các công cụ quản lý môi trường trong thực tiễn Việt Nam và các địa phương.

### **CMT 821 - Công nghệ xây dựng bản đồ địa chính (2 tín chỉ)**

Học phần Công nghệ xây dựng bản đồ địa chính cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về bản đồ địa chính và cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính nhằm giúp cho công tác quản lý đất đai và công tác chuyên môn được tốt hơn. Giúp người học có năng lực ứng dụng kiến thức và chịu trách nhiệm về các quyết định chuyên môn, nghiệp vụ của mình; chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Học phần bao gồm các nội dung cơ bản: Tổng quan về Bản đồ địa chính; Công nghệ thành lập bản đồ địa chính; Cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính.

### **MSR 821 - Phương pháp nghiên cứu khoa học (2 tín chỉ)**

Học phần trình bày những nội dung cơ bản về: khái niệm trung về nghiên cứu khoa học; phát triển các ý tưởng nghiên cứu, tổng quan tình hình nghiên cứu; phát triển câu hỏi nghiên cứu và xây dựng khung lý thuyết; phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng; phương pháp khảo sát; phương pháp nghiên cứu thử nghiệm; cách thức trình bày báo cáo nghiên cứu và những lưu ý khi công bố kết quả nghiên cứu trên tạp chí uy tín trong và ngoài nước. Kết thúc học phần, học viên có thể áp dụng các kiến thức đã học vào thực hiện các công trình nghiên cứu khoa học cụ thể.

### **ENS 821 - Thống kê kinh tế xã hội môi trường (2 Tín chỉ)**

Học phần Thống kê xã hội môi trường cung cấp cho học viên cách tính toán chỉ tiêu thống kê xã hội, sử dụng các quan điểm kinh tế và công cụ kinh tế đang được áp dụng trong các chính sách môi trường và quản lý môi trường bao gồm các nội dung: Quan điểm bền vững thông qua mô hình kinh tế và việc sử dụng các công cụ phân tích kinh tế trong việc đánh giá các dự

án phát triển có sử dụng các tài nguyên thiên nhiên và môi trường; Các lý thuyết kinh tế đang được áp dụng nhằm giải quyết vấn đề suy thoái môi trường thông qua việc xác định các chi phí; Việc áp dụng các lý thuyết và công cụ kinh tế trong việc quản lý tài nguyên tái sinh, không tái sinh, đánh giá tổng giá trị kinh tế của tài nguyên, nguyên tắc người gây ô nhiễm phải trả và việc chọn lựa giữa các công cụ luật pháp và kinh tế

### **AGI 821 - Ứng dụng viễn thám và hệ thống thông tin địa lý trong nghiên cứu quản lý môi trường (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học những nguyên lý cơ bản của GIS và Viễn thám, và nội dung tập trung vào những ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường và trong quản lý lưu vực. Học phần giới thiệu các chức năng cơ bản của hệ thống GIS và viễn thám. Những ứng dụng đã được thực hiện trên thế giới và ở Việt Nam về việc ứng dụng GIS và viễn thám trong quản lý tài nguyên môi trường và trong quản lý lưu vực.

### **CLC 821 - Biến đổi khí hậu (2 tín chỉ)**

Việt Nam là một trong những nước chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất do tác động của BĐKH. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng nguyên nhân của BĐKH chủ yếu là do con người gây ra thông qua việc phát thải khí nhà kính trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và suy thoái tài nguyên thiên nhiên, môi trường. Do đó trong bối cảnh BĐKH được dự báo sẽ ngày càng trầm trọng hơn sẽ đòi hỏi những thay đổi trong quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên nhằm thích ứng với điều kiện khí hậu biến đổi. Mặt khác việc quản lý sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý sẽ góp phần giảm thiểu BĐKH, ví dụ việc bảo vệ và phát triển rừng, hạn chế suy thoái đa dạng sinh học sẽ vừa góp phần giảm thiểu khí nhà kính vừa tăng hấp thụ khí nhà kính và do đó giảm thiểu BĐKH. Môn học BĐKH sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về BĐKH, nguyên nhân, tác động của BĐKH đến các lĩnh vực trong đó có tài nguyên thiên nhiên, các giải pháp ứng phó BĐKH, vai trò của quản lý tài nguyên thiên nhiên trong giảm thiểu và thích ứng BĐKH. Từ đó học viên có khả năng phân tích đánh giá những tác động của BĐKH và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch và giải pháp quản lý tài nguyên thiên nhiên thích ứng với BĐKH.

### **RED 821 - Phát triển kinh tế vùng (2 tín chỉ)**

Phát triển kinh tế vùng là một môn trong hệ thống các môn kinh tế. Học phần này trang bị cho học viên kiến thức cơ bản về kinh tế vùng và phân vùng; Bản chất và nội dung của vùng kinh tế; Một số lý thuyết phát triển xét từ góc độ kinh tế lãnh thổ; Marketing và liên kết vùng; Lý luận về chính sách phát triển vùng và thực tiễn phát triển vùng ở Việt Nam.

## **C. KHÓI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH (13 TÍN CHỈ)**

### **1. Các học phần bắt buộc (7 tín chỉ)**

#### **AGE 831 - Kinh tế nông nghiệp (3 tín chỉ)**

Học phần Kinh tế nông nghiệp cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về Nguyên lý Kinh tế nông nghiệp, tìm hiểu về vai trò, đặc điểm của ngành nông nghiệp, các nội dung phân tích các nguồn lực trong sản xuất nông nghiệp. Môi quan hệ cung cầu trong nông nghiệp, cũng như các vấn đề như thương mại, phát triển sản xuất hàng hóa trong nhằm phát triển nông nghiệp bền vững.

### **APM 821 - Quản lý dự án nông nghiệp (2 tín chỉ)**

Học phần quản lý dự án nông nghiệp cung cấp cho người học những vấn đề liên quan đến cách thức triển khai một dự án nông nghiệp cụ thể. Môn học cũng cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản (nguyên tắc, phương pháp, công cụ) trong các nội dung quản lý dự án nông nghiệp (quản lý thời gian, quản lý tiến độ, quản lý chất lượng, quản lý tài chính dự án). Sau học phần này, học viên có thể vận dụng kiến thức của môn học vào thực tế quản lý, giám sát các dự án tại địa phương.

### **AVC 821 - Chuỗi giá trị trong nông nghiệp (2 Tín chỉ)**

Học phần Chuỗi giá trị trong nông nghiệp Giới thiệu về ý nghĩa và phương pháp tiếp cận chuỗi; Phương pháp luận về phương pháp tiếp cận chuỗi giá trị; các kiến thức về thị trường và kết nối thị trường trong phân tích chuỗi giá trị; Quan hệ cung-cầu hàng hoá; Hội nhập kinh tế quốc tế & chuỗi giá trị toàn cầu; Hành vi sản xuất và hành vi tiêu dùng; Phân tích các hệ thống chuỗi giá trị; Phương pháp lựa chọn chuỗi giá trị; Chuỗi giá trị liên quan đến người nghèo; Chuỗi giá trị liên quan đến giới; Xây dựng và mô tả bản đồ chuỗi giá trị sản phẩm; Phân tích kinh tế chuỗi; Phân tích hậu cần chuỗi; Phân tích rủi ro trong chuỗi cung ứng sản phẩm; Phân tích các chính sách liên quan đến chuỗi giá trị; Phân tích SWOT và lợi thế cạnh tranh cho toàn chuỗi ngành hàng; Phân tích lợi thế cạnh tranh; Xây dựng các chiến lược nâng cấp và hỗ trợ chuỗi giá trị; Hỗ trợ thành lập các liên kết kinh doanh; Các công cụ nối kết thị trường.

## **2. Các học phần tự chọn (6 tín chỉ)**

### **MAR 821 Marketing nông nghiệp (2 tín chỉ)**

Học phần gồm 5 phần: **Phần 1** hệ thống hoá các kiến thức marketing căn bản phục vụ cho ngành nông nghiệp, **Phần 2** giới thiệu các phương pháp phân tích hiện trạng trong marketing nông nghiệp, **Phần 3** đề cập đến các phương pháp phân khúc, phân tích và định vị thị trường cho nông sản, **Phần 4** nghiên cứu hành vi tiêu dùng nông sản, **Phần 5** trình bày các chiến lược marketing nông sản.

### **RUD 821 Phát triển nông thôn (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị và làm rõ cho học viên về tình hình thực tiễn của nông thôn Việt Nam. Định hướng phát triển nông thôn trong thời đại 4.0. Trang bị cho học viên bức tranh toàn diện về phát triển nông thôn : Các kiến thức cũng như thực tiễn về

các hình thức kinh tế hợp tác trong phát triển nông thôn, sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0 và chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

### **HIA 821 - Nông nghiệp công nghệ cao (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về khái niệm, vai trò, nhiệm vụ của nông nghiệp công nghệ cao, cũng như lịch sử phát triển công nghệ cao trên thế giới và Việt Nam, hiện trạng phát triển nông nghiệp công nghệ cao trên thế giới và Việt Nam hiện nay. Hiểu biết về vùng, khu, và mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cũng như các chính sách hiện nay về phát triển công nghệ cao tại Việt Nam. Học phần giới thiệu chung tới người học về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như các ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ tự động hóa và công nghệ sinh học trong lĩnh vực trồng trọt (sản xuất cây trồng công nghệ cao; sản xuất cây trồng trong nhà có mái che), ứng dụng công nghệ cao trong lĩnh vực chăn nuôi, thủy sản; bảo quản và chế biến nông lâm thủy sản. Học phần này cũng giới thiệu cho học viên tiếp cận các cơ sở sản xuất nông nghiệp có ứng dụng các hệ thống công nghệ hiện đại phục vụ trong sản xuất nông nghiệp. Thông qua môn học giúp người học có được những hiểu biết chung về nông nghiệp công nghệ cao trên thế giới, Việt Nam, biết được xu hướng nông nghiệp công nghệ cao là tất yếu từ đó có những tư duy, đề xuất quy hoạch và phát triển các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở địa phương nơi học viên, người học đang công tác theo năng lực và thế mạnh của từng địa phương

### **RMM 821 Quản lý thị trường bất động sản (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học những nội dung, kiến thức cơ bản liên quan đến các hoạt động trong lĩnh vực thị trường bất động sản như: kiến thức về kinh doanh, marketing, các hoạt động về cung – cầu trong thị trường bất động sản; các nội dung quản lý nhà nước về lĩnh vực bất động sản của Việt Nam; xu hướng phát triển của thị trường bất động sản trên thế giới.

### **CSR 821 Bồi thường hỗ trợ tái định cư (2 tín chỉ)**

Học phần Bồi thường hỗ trợ tái định cư nhằm cung cấp cho học viên cao học Ngành Quản lý đất đai những kiến thức cơ bản về các quy định và chính sách của Đảng và Nhà nước trong hoạt động thu hồi đất để thực hiện các dự án. Học phần bao gồm các nội dung: Tổng quan về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Bồi thường thiệt hại về đất khi nhà nước thu hồi đất; Bồi thường tài sản trên đất khi nhà nước thu hồi đất; Bồi thường thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất đối với một số trường hợp cụ thể; Hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất; Bố trí tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Trình tự, thủ tục thu hồi, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Ảnh hưởng của hoạt động thu hồi đất khi thực hiện các dự án tới điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

### **LPR 821 Định giá đất và bất động sản (2 tín chỉ)**

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lĩnh vực định giá đất và bất động sản. Học viên có đầy đủ các kiến thức chuyên môn cao về định giá đất và bất động sản; có năng lực ứng dụng các phần mềm và chịu trách nhiệm về các

quyết định chuyên môn, nghiệp vụ của mình; chủ động, sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, dễ thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nội dung học phần tập trung vào: Nội dung về định giá đất; các quy định của pháp luật về định giá đất và bất động sản; định giá đất và bất động sản tại một số quốc gia trên thế giới.

### **ENP 821 Quy hoạch môi trường (2 tín chỉ)**

Quy hoạch môi trường là mối quan tâm của chính bản thân môi trường trong quá trình ra quyết định, nơi mà họ yêu cầu cho mối quan hệ quản lý giữa con người và tự nhiên. Quy hoạch môi trường nỗ lực trong việc quản lý các quá trình một cách có hiệu quả, có trật tự, minh bạch và công bằng cho lợi ích của tất cả các thành viên trong các hệ thống cho hiện tại và tương lai. Nội dung của quy hoạch môi trường nhằm cung cấp cho người học các vấn đề liên quan đến quy hoạch môi trường: Phát triển kinh tế - xã hội; Phát triển đô thị; Quản lý tài nguyên và sử dụng đất; Cơ sở hạ tầng.

### **POE 821 Rừng và môi trường (2 tín chỉ)**

Nhằm giới thiệu cho học viên cao học chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng những kiến thức về hệ sinh thái rừng, mối quan hệ, ảnh hưởng qua lại giữa rừng và môi trường và các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng môi trường hệ sinh thái rừng. Bao gồm các nội dung cơ bản: Hệ sinh thái rừng; Chức năng môi trường của rừng; Những hoạt động lâm nghiệp và sự biến đổi tài nguyên rừng; Những giải pháp nâng cao hiệu quả môi trường của rừng.

### **POS 821 Công nghệ môi trường (2 tín chỉ)**

Môn học giới thiệu cho học viên các kiến thức nguyên lý cơ bản về công nghệ môi trường và các giải pháp xử lý các vấn đề về công nghệ môi trường cụ thể. Môn học cũng mô tả các công nghệ chủ yếu, các cải tiến kỹ thuật áp dụng trong xử lý chất thải, giảm thiểu tác động từ các hoạt động của con người cho môi trường nước, khí và đất. Các nội dung cơ bản bao gồm nguyên tắc của các phương pháp xử lý chất thải: lý học, hóa học, sinh học và một số phương pháp kết hợp; Các vấn đề về quy định, luật, chỉ tiêu, vệ sinh môi trường... đối với công nghệ xử lý chất thải.. Môn học cũng đưa ra một số ví dụ cụ thể về biện pháp xử lý các loại chất thải; tính toán cánh đồng lọc, bể Aeroten, bể bioga ...

### **LMS 821 Kỹ năng lãnh đạo quản lý (2 tín chỉ)**

Môn học kỹ năng lãnh đạo quản lý cung cấp cho các học viên các kiến thức cơ bản sau: Phần kiến thức tổng quan về lãnh đạo và quản lý: Khái niệm; Nội dung; Nguyên tắc; phong cách lãnh đạo; Phần kỹ năng lãnh đạo: Kỹ năng định hướng và xác định mục tiêu của tổ chức; Kỹ năng phân công nhiệm vụ và giao việc; Kỹ năng kiểm soát và đánh giá hiệu quả công việc; Các kỹ năng mềm: Kỹ năng động viên; Kỹ năng phê bình; Kỹ năng điều hành cuộc họp; Kỹ năng giải quyết xung đột; Kỹ năng quản lý thời gian; Kỹ năng quản lý rủi ro.



### **RDP 821 - Quy hoạch phát triển nông thôn (2 tín chỉ)**

Học phần quy hoạch nông thôn cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, nâng cao liên quan đến quy hoạch nông thôn như: Nguyên lý, mục đích, nguyên tắc, nội dung cơ bản, phương pháp và trình tự lập quy hoạch phát triển nông thôn. Từ những kiến thức cơ bản đã được trao đổi, học viên sẽ được tìm hiểu sâu, phân tích, đánh giá những vấn đề cấp bách liên quan đến quy hoạch phát triển nông thôn hiện nay như: Vấn đề dự báo tốc độ phát triển trong quy hoạch phát triển nông thôn, xác định mục tiêu phát triển trong quy hoạch phát triển nông thôn, bảo vệ cảnh quan và bản sắc văn hoá trong quy hoạch phát triển nông thôn... Khi kết thúc môn học, người học có khả năng nghiên cứu sâu hơn về quy hoạch và có khả năng vận dụng vào thực tiễn quản lý quy hoạch nông thôn ở địa phương.

### **APM 821 - Quản lý dự án nông nghiệp (2 tín chỉ)**

Học phần quản lý dự án nông nghiệp cung cấp cho người học những vấn đề liên quan đến cách thức triển khai một dự án nông nghiệp cụ thể. Môn học cũng cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản (nguyên tắc, phương pháp, công cụ) trong các nội dung quản lý dự án nông nghiệp (quản lý thời gian, quản lý tiến độ, quản lý chất lượng, quản lý tài chính dự án). Sau học phần này, học viên có thể vận dụng kiến thức của môn học vào thực tế quản lý, giám sát các dự án tại địa phương.

### **AGM 821 - Thị trường nông sản (2 tín chỉ)**

Ngành nông nghiệp có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế Việt Nam, và được thể hiện qua giá trị đóng góp của ngành vào tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hàng năm và tỷ lệ lao động tham gia vào hoạt động sản xuất – kinh doanh nông nghiệp. Việt Nam cũng là nước có điều kiện tự nhiên và khí hậu đa dạng – trải rộng khắp các vùng miền nên rất thuận lợi để phát triển nhiều loại nông sản hàng hóa khác nhau. Với lợi thế đó, Chính phủ đã có nhiều chủ trương và chính sách trong việc phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa. Hệ quả là sản xuất nông nghiệp hàng hóa không ngừng tăng lên về quy mô diện tích, khối lượng và giá trị sản phẩm. Sự ra tăng này đặt ra yêu cầu cấp bách về việc quản lý sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản cho người dân. Học phần này sẽ trang bị cho học viên những kiến thức trung về thực trạng phát triển của ngành nông nghiệp Việt Nam, các chủ trương chính sách phát triển nông nghiệp, xu hướng phát triển sản xuất nông nghiệp trong tương lai. Ngoài ra, học phần cũng trang bị cho học viên những thông tin cơ bản về vai trò của thương hiệu sản phẩm, quy trình xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Từ đó, học viên có thể có những phân tích, nhận định trong việc tư vấn xây dựng chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa trong điều kiện và bối cảnh hội nhập mới.

### **EAE 821- Kinh tế môi trường (2 tín chỉ)**

Kinh tế môi trường là môn học nghiên cứu những vấn đề môi trường bằng quan điểm và những công cụ phân tích kinh tế học. Học phần này sẽ trang bị cho học viên những khái niệm/ thuật ngữ dùng trong kinh tế môi trường, hiểu được mối quan hệ giữa những vấn đề tài nguyên thiên nhiên và môi trường với những hoạt động kinh tế có liên hệ đến chúng, hiểu được một số

công cụ phân tích của kinh tế vi mô áp dụng cho kinh tế môi trường, giải thích được nguyên nhân gây suy thoái môi trường về mặt kinh tế, đặc điểm của tài nguyên và hàng hóa công cộng, hiểu được cách xác định mục tiêu môi trường đạt hiệu quả xã hội, hiểu được các kỹ thuật định giá có thể áp dụng để tiền tệ hóa các tác động môi trường của các hoạt động/chương trình/chính sách kinh tế, và biết được cách giải quyết những vấn đề môi trường bằng cách dùng những công cụ kinh tế thích hợp. Nội dung học phần gồm có: (1) Kinh tế môi trường là gì?; (2) Mối quan hệ giữa nền kinh tế và môi trường; (3) Lợi ích và chi phí, cung và cầu; (4) Hiệu quả kinh tế và thị trường; (5) Tính toán kinh tế về chất lượng môi trường; (6) Các tiêu chí để đánh giá các chính sách môi trường.

### **NPV 821 - Tài chính phát triển (2 tín chỉ)**

Học phần trang bị những kiến thức về tài trợ vốn cho doanh nghiệp, và dự án thông qua hệ thống tài chính; hiểu biết mối quan hệ giữa tài chính và phát triển kinh tế; thách thức liên quan đến quản lý các định chế tài chính phát triển. Nội dung chính của môn học là nghiên cứu cách thức xây dựng hệ thống tài chính hoạt động hữu hiệu nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế. Cụ thể, môn học giới thiệu bức tranh tổng quan về hệ thống tài chính, vai trò của tài chính đối với phát triển kinh tế, phân tích quá trình chuyển biến của hệ thống tài chính. Các đề tài về khủng hoảng tài chính, và giải pháp khắc phục cũng sẽ được đề cập trong học phần

### **4.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành đào tạo**

**Bảng 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành đào tạo**

<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>
1. Phòng máy tính phục vụ chuyên ngành đào tạo	3 phòng với 200 máy tính
2. Số đầu giáo trình phục vụ chuyên ngành đào tạo	
2.1. Giáo trình in	20
2.2. Giáo trình điện tử	
3. Số đầu sách tham khảo phục vụ chuyên ngành đào tạo	
3.1. Sách in	36
3.2. Sách điện tử	

4. Số tạp chí chuyên ngành phục vụ chuyên ngành đào tạo	10
4.1. Tạp chí in	
4.2. Tạp chí điện tử	

### Các minh chứng cho Bảng 3

- **Nội dung 1:** Ghi số lượng phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, sản xuất thử nghiệm, lập bảng riêng cho mỗi loại:

TT	Tên phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, CS SX thử nghiệm	Năm đưa vào vận hành	Tổng giá trị đầu tư	Phục vụ cho thí nghiệm, thực hành của các học phần/môn học
1	Phòng máy tính phục vụ chuyên ngành đào tạo	2000	2,2 tỷ	Các môn học về phân tích dữ liệu

- **Nội dung 2, 3, 4:** Chỉ ghi số giáo trình, sách, tạp chí phục vụ chuyên ngành đào tạo và lập bảng riêng theo mẫu sau cho mỗi loại:

TT	Tên giáo trình / sách / tạp chí	Thể loại (in, điện tử)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Phục vụ cho học phần / môn học
1	Tài liệu Bồi dưỡng, tập huấn cán bộ, công chức làm công tác bố trí dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới	in	Đinh Ngọc Lan	Cục Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn toàn diện
2	Tài liệu tập huấn “Công tác khuyến nông trong xây dựng mô hình nông thôn mới”	in	Đinh Ngọc Lan	Trung tâm Khuyến nông Thái Nguyên	Phát triển nông thôn toàn diện
3	Các nguyên lý của chương trình phát triển nông thôn.	in	Đào Thế Anh	Khoa học Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn toàn diện

4	Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	in	Bộ Nông nghiệp & PTNT	Bộ Nông nghiệp & PTNT	Phát triển nông thôn toàn diện
5	Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020	in	Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam	Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam	Phát triển nông thôn toàn diện
6	Các chiến lược thành công để phát triển nông thôn và giảm nghèo	in	Thomas Reardon	Khoa học Phát triển nông thôn	Phát triển nông thôn toàn diện
7	Phát triển cộng đồng	in	Trương Văn Tuyên	Nông nghiệp	Phát triển nông thôn toàn diện
8	Phát triển nông thôn	in	Mai Thanh Cúc	Nông nghiệp	Phát triển nông thôn toàn diện
9	Giám sát và đánh giá tác động	in	Karl Herweg	Khoa học và Kỹ thuật	Phương pháp thu thập, xử lý, phân tích số liệu và trình bày, đăng báo kết quả nghiên cứu
10	Participatory Rural Appraisal	in	The National Environment Secretariat, Government of Kenya	Clark University	Phương pháp thu thập, xử lý, phân tích số liệu và trình bày, đăng báo kết quả nghiên cứu
11	Evolving Themes in Rural Development	in	Frank Ellis	Blackwell	Phương pháp thu thập, xử lý, phân tích số liệu và trình bày, đăng báo kết quả

					nghiên cứu
12	Rethinking Rural Development	in	Caroline Ashley	Blackwell	Phương pháp thu thập, xử lý, phân tích số liệu và trình bày, đăng báo kết quả nghiên cứu
13	Agricultural Productivity Growth and Poverty Alleviation	in	Xavier Irz	Blackwell	Phương pháp thu thập, xử lý, phân tích số liệu và trình bày, đăng báo kết quả nghiên cứu
14	Giáo trình Quản lý và đánh giá dự án	in	Đinh Ngọc Lan	Germany:Magraf publishers	Phương pháp kỹ năng xây dựng đề án, dự án
15	Giáo trình lập và quản lý dự án phát triển nông thôn	in	Hoàng Mạnh Quân	Nông nghiệp	Phương pháp kỹ năng xây dựng đề án, dự án
16	Quản lý dự án	in	Nguyễn Văn Đáng	Thống kê	Phương pháp kỹ năng xây dựng đề án, dự án
17	Quản lý dự án	in	Stephen Barker	Lao động - Xã hội	Phương pháp kỹ năng xây dựng đề án, dự án
18	Quản trị dự án	in	Phil Baguley	Thanh Hoá	Phương pháp kỹ năng xây dựng đề án, dự án

19	Phát triển kỹ năng lãnh đạo	in	John Adair	Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	Phương pháp kỹ năng xây dựng đề án, dự án
20	Nghệ thuật lãnh đạo	in	Flizabeth Osleary	Văn hóa thông tin,	Phương pháp kỹ năng xây dựng đề án, dự án
21	Xã hội học nông thôn,	in	Dương Văn Sơn	ĐH Quốc gia Hà Nội	Những vấn đề về xã hội trong phát triển nông thôn
22	Xã hội học nông thôn,	in	Tổng Văn Chung	NXB ĐH Quốc gia Hà Nội	Những vấn đề về xã hội trong phát triển nông thôn
23	Xã hội học nông thôn	in	Bùi Quang Dũng	NXB Khoa học Xã hội	Những vấn đề về xã hội trong phát triển nông thôn
24	Xã hội học nông thôn	in	Tô Duy Hợp	Khoa học Xã hội	Những vấn đề về xã hội trong phát triển nông thôn
25	Giáo trình Phương pháp nghiên cứu kinh tế-xã hội	in	Dương Văn Sơn Bùi Đình Hòa	Nông nghiệp, 2012	Những vấn đề về xã hội trong phát triển nông thôn
26	Giáo trình Tâm lý học nông dân	in	Dương Văn Sơn	Nông nghiệp, 2015	Những vấn đề về xã hội trong phát triển nông thôn

27	Công nghệ nhân và sản xuất giống cây trồng, giống cây lâm nghiệp và vật nuôi.	in	Bộ Nông nghiệp và PTNT	Lao động - xã hội	Nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp đô thị trong phát triển nông thôn
28	Các biện pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển, ra hoa và kết quả cây ăn trái.	in	Phạm Văn Côn	Nông nghiệp	Nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp đô thị trong phát triển nông thôn
29	Công nghệ cao trong sản xuất rau.	in	Nguyễn Thúy Hà	Nông nghiệp	Nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp đô thị trong phát triển nông thôn
30	Giáo trình xử lý ra hoa	in	Trần Văn Hậu	Nông nghiệp	Nông nghiệp công nghệ cao và nông nghiệp đô thị trong phát triển nông thôn
31	Giáo trình Quản lý rừng cộng đồng trong phát triển bền vững nông thôn miền núi phía Bắc Việt Nam	in	Đinh Ngọc Lan	Nông nghiệp	Quản lý môi trường và phát triển bền vững
32	Quản trị môi trường và tài nguyên thiên nhiên	in	Nguyễn Thị Ngọc Ân	Nông nghiệp	Quản lý môi trường và phát triển bền vững
33	Giáo trình bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.	in	Võ Văn Phú	ĐH Huế	Quản lý môi trường và phát triển bền vững

34	Môi trường và phát triển.	in	Nguyễn Mộng	ĐH Huế	Quản lý môi trường và phát triển bền vững
35	Việt Nam môi trường và cuộc sống	in	Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam	Chính trị quốc gia.	Quản lý môi trường và phát triển bền vững
36	Phát triển bền vững	in	Trương Quang Học	Đại học quốc gia Hà Nội	Quản lý môi trường và phát triển bền vững
37	Quản lý và sử dụng nước trong nông nghiệp	in	Chu Thị Thơm	Lao động	Quản lý môi trường và phát triển bền vững
38	Phát triển theo hướng cộng đồng: Tổng quan hoạt động thực tiễn	in	Dan Owen	Ngân hàng Thế giới	Quản lý tài nguyên rừng
39	Một số điểm mạnh và điểm yếu về sự tham gia của người dân trong các hoạt động phát triển lấy cộng đồng làm định hướng	in	Lê Thị Thống	Bộ KH&ĐT:	Quản lý tài nguyên rừng
40	Phát triển lấy cộng đồng làm định hướng ở Việt Nam	in	Robin Mearns	World Bank	Quản lý tài nguyên rừng
41	Phát triển lấy cộng đồng làm định hướng tại Việt Nam	in	Phạm Văn Ngọc	Action Aid tại Việt Nam	Quản lý tài nguyên rừng
42	Theo dõi và đánh giá các chương trình phát triển theo hướng cộng đồng: Các nguyên tắc chính cho Việt	in	Rob Chase	World Bank	Quản lý tài nguyên rừng



	Nam				
43	Biến đổi khí hậu và thích ứng của người dân trong sản xuất nông nghiệp	in	Lê Thị Hoa Sen	ĐH Huế	Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu
44	Tác động của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp, nông thôn và định hướng hành động của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn	in	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	MARD	Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu
45	Challenges and opportunities for mitigation in the agricultural sector	in	UNFCCC	UNFCCC	Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu
46	Hệ thống trong phát triển nông nghiệp bền vững	in	Trần Danh Thìn	Nông nghiệp	Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu
47	Strengthening national agriculture research system	in	Byerlee Derek	World Bank	Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu
48	Software engineering techniques applied To agricultural systems	in	Papajorgji Petraq J	Springer	Nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu
49	Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam	in	Chu Tiến Quang	Chính trị Quốc gia	Phát triển thị trường nông nghiệp
50	Những biến đổi kinh tế - xã hội của hộ gia đình	in	Vũ Tuấn Anh	Khoa học xã hội	Phát triển thị trường nông nghiệp

51	Những giải pháp phát triển nông lâm kết hợp trong các mô hình kinh tế trang trại tại một số tỉnh trung du và miền núi phía Bắc	in	Trần Thị Thu Thủy	Khoa học và kỹ thuật	Phát triển thị trường nông nghiệp
52	Phát triển bền vững kinh tế hộ nông dân gắn liền kế hoạch với hạch toán kinh doanh	in	Lê Trọng	Lao động xã hội	Phát triển thị trường nông nghiệp
53	Kinh tế hộ gia đình ở nông thôn Việt Nam	in	Chu Tiến Quang	Chính trị Quốc gia	Sinh kế bền vững
54	Nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong mô hình tăng trưởng kinh tế mới giai đoạn 2011-2020	in	Nguyễn Thị Tố Quyên	Chính trị Quốc gia - Sự thật	Sinh kế bền vững
55	Phát triển nông thôn bền vững: Những vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới	in	Trần Ngọc Ngoạn	Khoa học xã hội	Sinh kế bền vững
56	Phương pháp nghiên cứu định lượng & những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển - nông nghiệp	in	Đình Phi Hồ	Phương Đông	Sinh kế bền vững
57	Đầu tư công ở Việt Nam	in	Vũ Thành Tự Anh	Chương trình Fulbright	Quản lý đầu tư công trong phát triển nông thôn
58	Tình hình đầu tư công ở Việt Nam 10 năm qua	in	Vũ Tuấn Anh	Viện Kinh tế Việt Nam	Quản lý đầu tư công trong phát triển nông thôn
59	Vai trò của đầu tư công trong tăng	in	Phạm Sĩ An	Viện Kinh tế	Quản lý đầu tư công

	trường kinh tế.			Việt Nam	trong phát triển nông thôn
60	Luật đầu tư công	in	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ KH&ĐT	Quản lý đầu tư công trong phát triển nông thôn
61	Quản lý tốt hơn nguồn lực nhà nước	in	Ngân hàng Thế giới	Ngân hàng Thế giới	Quản lý đầu tư công trong phát triển nông thôn
62	Nâng cao hiệu quả đầu tư công ở Việt Nam	in	Nguyễn Đình Tài	Viên NC quản lý kinh tế Trung ương	Quản lý đầu tư công trong phát triển nông thôn
63	Giáo trình Khuyến nông thị trường	in	Bùi Đình Hòa	Nông nghiệp, 2011	Chuỗi giá trị nông sản
64	Phát triển chuỗi giá trị- Công cụ gia tăng giá trị cho sản xuất nông nghiệp	in	Phạm Ngọc Trâm và Hoàng Đình Tú	GTZ	Chuỗi giá trị nông sản
65	Nâng cao hiệu quả thị trường cho người nghèo, Sổ tay thực hành phân tích chuỗi giá trị	in	Ngân hàng phát triển Châu Á	NXB Khoa học Xã hội	Chuỗi giá trị nông sản
66	Cẩm nang valuelinks, phương pháp luận để thúc đẩy chuỗi giá trị	in	GTZ	NXB Khoa học Xã hội	Chuỗi giá trị nông sản

#### 4.4. Hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế liên quan đến chuyên ngành đào tạo

**Bảng 4. Đề tài khoa học, chuyển giao công nghệ, công trình công bố, hợp tác quốc tế thuộc chuyên ngành đào tạo**

<b>Nội dung</b>	<b>2015</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>
1. Số đề tài khoa học cấp Nhà nước do CSĐT chủ trì	-	1	-	1	1	1
2. Số đề tài khoa học cấp Bộ/tỉnh do CSĐT chủ trì	2	2	-	1	1	3
3. Tổng số công trình công bố trong năm:						
Trong đó: 3.1. Ở trong nước	3	3	3	11	9	9
3.2. Ở nước ngoài	2	2	9	18	13	15
4. Số hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế liên quan đến chuyên ngành đã tổ chức	-	2	3	2	1	-
5. Số dự án, chương trình hợp tác đào tạo chuyên ngành tiến sĩ với các đối tác nước ngoài	-	-	-	-	-	
6. Số giảng viên cơ hữu thuộc chuyên ngành đào tạo tham gia đào tạo tiến sĩ với CSĐT nước ngoài	-	-	-	-	-	
7. Số giảng viên của CSĐT nước ngoài tham gia đào tạo chuyên ngành tiến sĩ	-	-	-	-	-	

#### ***Các minh chứng cho bảng 4***

***Nội dung 1, 2:*** Chỉ ghi vào cột năm bắt đầu thực hiện số đề tài khoa học khi có cán bộ khoa học thuộc chuyên ngành đào tạo tham gia thực hiện, kèm theo bảng danh mục sau:

<b>TT</b>	<b>Tên, mã số đề tài, công trình chuyên giao công nghệ</b>	<b>Cấp chủ quản (NN, Bộ/tỉnh)</b>	<b>Người chủ trì</b>	<b>Người tham gia</b>	<b>Thời gian thực hiện (năm bắt đầu, kết thúc)</b>	<b>Năm nghiệm thu</b>	<b>Tổng kinh phí (Triệu VND)</b>
-----------	--	-----------------------------------	----------------------	-----------------------	--	-----------------------	----------------------------------

1	Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển công tác Đoàn thanh niên - Hội sinh viên tại trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Dương Xuân Lâm	Nguyễn Quang Thi, Nguyễn Trường Giang, Dương Thị Cẩm Linh, Dương Thị Thu Huyền	2015	2016	6
2	Hoàn thiện và phát triển chuỗi giá trị chè tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp tỉnh	Đỗ Xuân Luận		2016	2018	
4	Xây dựng chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm từ cây Quế ở huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Đề tài cấp tỉnh	Đỗ Xuân Luận		2016	2018	730
5	Giải pháp phát triển mô hình du lịch cộng đồng tại vùng chè Tân Cương, TP. Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Đặng Thị Bích Huệ		2016	2017	15
6	Ảnh hưởng của nguồn lực đến đa dạng sinh kế nông hộ huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Nguyễn Văn Tâm		2017	2017	10
7	Tháo gỡ những rào cản tiếp cận vốn vay chính thức của hộ gia đình, góp phần xây dựng nông thôn mới ở khu vực Tây Bắc, Việt Nam	Đề tài cấp Bộ	Đỗ Xuân Luận		2017	2019	830
8	Nghiên cứu chuỗi giá trị sản phẩm dược liệu thuộc chương trình OCOP	Đề tài cấp tỉnh		Đỗ Xuân Luận	2017	2019	

	tỉnh Quảng Ninh”						
9	Nghiên cứu chính sách thu hút lao động dân tộc thiểu số vào làm việc trong các doanh nghiệp gắn với giảm nghèo bền vững	Đề tài cấp Nhà nước		Đỗ Xuân Luận	2017	2020	
10	Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số đánh giá tính dễ bị tổn thương với biến đổi khí hậu của nông hộ trong sản xuất chè	Đề tài cấp cơ sở	Bùi Thị Minh Hà		2017	2018	6
11	Ảnh hưởng của nguồn lực đến đa dạng sinh kế nông hộ trên địa bàn huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Bùi Thị Minh Hà		2017	2018	6
14	Nghiên cứu giải pháp nâng cao giá trị gia tăng cho các cơ sở sản xuất nấm ăn tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Nguyễn Thị Giang		2017	2018	6
15	Giải pháp phát triển mô hình trồng măng tây theo quy trình hữu cơ tại tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Dương Thị Thu Hoài		2017	2018	6
16	Nghiên cứu những tác động ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các hoạt động sinh kế của người dân tại một số xã huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Đặng Thị Bích Huệ	Vũ Thị Hiền	2017	2018	6

18	Nghiên cứu giải pháp tăng cường quản lý hệ thống đường giao thông nông thôn ở huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Lưu Thị Thùy Linh		2017	2018	6
22	Giải pháp thương mại hoá các sản phẩm khoa học công nghệ mang bản quyền thương hiệu Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Bùi Thị Thanh Tâm		2018	2018	8
24	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chuỗi liên kết trong sản xuất, tiêu thụ chè của hộ nông dân trồng chè ở tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp đại học	Trần Anh Vũ	Đoàn Thị Mai	2018	2020	
25	Xây dựng mô hình thực tế ảo (VR1) phục vụ đào tạo	Đề tài cấp cơ sở	Dương Hoài An		2019	2019	
27	Vai trò của cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Hồ Lương Xinh		2019	2020	8
28	Giải pháp cải thiện sinh kế hộ nghèo trên địa bàn xã Thanh Vân, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn	Đề tài cấp cơ sở	Nguyễn Văn Tâm		2019	2019	8
30	Nghiên cứu chính sách, giải pháp thúc đẩy hộ, trang trại nâng cao năng lực sản xuất hàng hóa và liên kết với thương lái, doanh nghiệp tiêu thụ các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi chủ lực ở miền núi phía Bắc	Đề tài cấp Bộ	Đinh Ngọc Lan		2019	2021	

31	Xây dựng cơ chế học tập chuyên hóa cộng đồng cho các mô hình sinh kế bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu, hướng tới cộng đồng nông thôn tự vững tại miền Bắc Việt Nam	Đề tài cấp nhà nước		Hồ Văn Bắc	2019	2021	8
32	Phân tích rủi ro trong sản xuất chè của các hộ nông dân tại vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Bùi Thị Minh Hà		2019	2020	8
33	Phân tích chuỗi giá trị sản phẩm Na trên địa bàn xã La Hiên huyện Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Nguyễn Quốc Huy		2019	2020	8
34	Nghiên cứu giải pháp huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực (đất đai, tài chính, nhân lực) vào xây dựng NTM ở các xã miền núi phía Bắc giai đoạn 2021-2030	Đề tài cấp nhà nước	Nguyễn Văn Tâm	Đỗ Xuân Luận, Hà Quang Trung, Hồ Văn Bắc, Bùi Thị Thanh Tâm, Hà Thị Hòa	2020	2021	2.500
35	Sản xuất nông nghiệp hàng hóa: Hiệu quả sản xuất, nhận thức và chiến lược quản lý rủi ro của nông hộ sản xuất nhỏ khu vực miền núi phía Tây Bắc Việt Nam	Đề tài cấp bộ	Hồ Văn Bắc		2020	2021	610
36	Kết nối cung cầu các dịch vụ ngân hàng số nhằm thúc đẩy phát triển du	Đề tài cấp bộ	Đỗ Xuân Luận		2020	2022	750



	lịch cộng đồng bền vững của các hộ dân tộc thiểu số tại vùng Tây Bắc, Việt Nam						
37	Phục tráng và phát triển sản xuất lúa nếp cẩm trên địa bàn huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Đề tài cấp tỉnh		Nguyễn Văn Tâm	2020	2022	1.000
38	Nghiên cứu và phát triển HTX chè tại huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên	Đề tài cấp cơ sở	Nguyễn Đức Quang	Đoàn Thị Thanh Hiền	2020	2021	8

**Nội dung 3:** Chỉ ghi số công trình công bố (bài báo khoa học) có cán bộ khoa học hoặc học viên cao học thuộc chuyên ngành đào tạo tham gia thực hiện, đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, kèm theo bảng danh mục sau:

TT	Tên bài báo	Các tác giả	Tên tạp chí, nước	Số phát hành (tháng, năm)	Website (nếu có)
1.	Poverty targeting and income impact of subsidised credit on accessed households in the Northern Mountainous Region of Vietnam	Do Xuan Luan & cs	Journal of Agriculture and Rural Development in the Tropics and Subtropics, Kassel university press GmbH, Germany. ISSN: 2363-6033 Scopus/Q3	116(2); 173-186, 2015	
2.	Tình hình phát triển KTTT trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Bùi Thị Thanh Tâm, Bùi Đình Hòa	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên	số 15(145), 2015	
3.	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp phát triển mô hình trồng chè lai LDP1 để	Lưu Thị Thùy Linh,	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học	số 07, 2015	

	chuyển đổi cơ cấu cây trồng nhằm xóa đói giảm nghèo cho một số xã có thu nhập trung bình tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên,	Hồ Lương Xinh, Bùi Thị Thanh Tâm,	Thái Nguyên,		
4.	Use of Spent Mushroom Substrate and Manure Compost for Honeydew Melon Seedlings	Nguyen Van Tam và cs	Journal of Plant Growth Regulation	2015 (34):417-424	
5.	Effects of Spent Mushroom Substrate and Vermicompost on The Growth and Nutrient Uptake of Honeydew Melon Seedlings	Nguyen Van Tam và cs	International Journal of Horticultural & Crop Science Research	22015 (5): 9-23	
6.	Giải pháp phát triển KTTT của tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2016-2020	Bùi Thị Thanh Tâm và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên	số 15(145), 2016	
7.	Does credit access affect household income homogeneously across different groups of credit recipients? Evidence from rural Vietnam	Do Xuan Luan & cs	Journal of Rural Studies (SSCI), Elsevier, England;	2016	
8.	Effects of Organic Materials on Growth, Yield, and Fruit Quality of Honeydew Melon	Nguyen Van Tam và cs	Communications in Soil Science and Plant Analysis	2016 (47): 495-504	
9.	Income Impacts of Credit on Accessed Households in Rural Vietnam: Do Various Credit Sources Perform Differently?	Do Xuan Luan & cs	AGRIS on-line Papers in Economics and Informatic, the Czech Republic, Scopus/Q2	8(1); 57-67, 2016	
10.	Đánh giá thực trạng và giải pháp phát	Dương Xuân	Tạp chí Khoa học và	ISSN 1859-2171, Tập	

	triển công tác Đoàn thanh niên - Hội sinh viên tại trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên	Lâm, Nguyễn Quang Thi, Nguyễn Trường Giang, Dương Thị Cẩm Linh, Dương Thị Thu Huyền	Công nghệ (ĐHTN)	150, số 05, 2016	
11.	Determinants of tea value chain linkages in Thai Nguyen province, Vietnam	Đỗ Xuân Luận	International Journal of Economics, Commerce and Management United Kingdom,	Vol. V, Issue 9, September 2017,	
12.	Xác xuất cải thiện thu nhập của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Hồ Lương Xinh và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên,	Tập 172, số 12/2, 2017	
13.	Use of Organic Materials as Growing Media for Honeydew Melon Seedlings in Organic Agriculture	Nguyen Van Tam và cs	Communications in Soil Science and Plant Analysis	2017 (48):2137-2147	
14.	Xác xuất cải thiện thu nhập của hộ nông dân sau thu hồi đất nông nghiệp tại các khu công nghiệp tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Yến, Nguyễn Thị Giang, Lưu Thị Thùy Linh, Bùi Thị Thanh Tâm, Nguyễn Mạnh Thắng	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Tòa soạn Đại học Thái Nguyên,	Tập 172, số 12/2, 2017	
15.	Giải pháp phát triển kinh tế hộ góp phần xây dựng nông thôn mới tại huyện Đồng Hỷ tỉnh Thái Nguyên.	Bùi Thị Minh Hà	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Tháng 10/2017		
16.	Nhận thức của nông hộ về Biến đổi khí	Bùi Thị Minh Hà	Tạp chí Khoa học và	tập 172, số 12/2, 2017	

	hậu và tác động của biến đổi khí hậu tới sản xuất chè. Trường hợp nghiên cứu: vùng chè Tân Cương thành phố Thái Nguyên.		Công nghệ		
17.	Investigating the effects of social capital and information technology on knowledge sharing intention and knowledge sharing behavior among employees in Thai Nguyen university.	Chu Thi Ha, Nguyen Thi Giang, Duong Xuan Lam	Journal of Science and Technology, Thai Nguyen University,	vol. 172, 12/2, 2017	
18.	Factors affect motivation Jobs of knowledge workers in Vietnam	Do Thi Ha Phuong, Nguyen Thi Giang, Lin Xiao Wu	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Tòa soạn Đại học Thái Nguyên, P.Tân Thịnh, Tp Thái Nguyên,	Tập 175, số 15, 2017	
19.	Các hoạt động sinh kế của người dân trong bối cảnh biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên,	Đặng Thị Bích Huệ, Đặng Thị Mai Lan	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	tháng 10/2017, 181-188	
20.	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất và tiêu thụ miến dong tại huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.	Đinh Ngọc Lan, Đoàn Thị Thanh Hiền và Dương Tuấn Việt	Tạp chí khoa học công nghệ: chuyên san khoa học xã hội-Nhân văn-Kinh tế. NXB: Đại học Thái Nguyên.	Tập 172, Số 12/2. 2017	
21.	Tác động của vốn xã hội và công nghệ thông tin đến dự định chia sẻ tri thức và hành vi chia sẻ tri thức của cán bộ giảng viên tại Đại học Thái Nguyên	Đỗ Thị Hà Phuong, Chu Thị Hà, Nguyễn Thị Giang, Dương Xuân Lâm	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (ĐHTN)	Tập 172, số 12/2 năm 2017	

22.	Determinants of Marketability for Organic Biomass Liquid Fertilizer from Human Waste in Da Nang City, Vietnam	Bui xuan Hong, Yoshifumi Takahashi and Mitsuyasu Yabe	Journal of Environmental Protection	<a href="https://doi.org/10.4236/jep.2017.811083">DOI: 10.4236/jep.2017.811083</a>	
23.	Các phương pháp phân tích yếu tố ảnh hưởng tới tiếp cận tín dụng phát triển nông nghiệp, nông thôn	Đỗ Xuân Luận	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	Số 03 (679); Trang 31-34, 2018	
24.	Phân tích rào cản tiếp cận tín dụng trong phát triển nông-lâm nghiệp quy mô hộ tại huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Đỗ Xuân Luận và cs	Tạp Chí Quản lý Kinh tế (Economic Management Review),	Số 87 (03+04/2018), trang 50-58	
25.	Ảnh hưởng của yếu tố nguồn lực tới đa dạng sinh kế nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Văn Tâm, Bùi Thị Minh Hà, Hà Thị Hòa	Tạp chí Khoa học Công nghệ	Số 03 , 2018	
26.	Assessing The Efficiency of Tam Hoa Plum Growers in Bac Ha District, Lao Cai Province: Evidence from Malmquist Index.	Dương Hoài An, Cư A Giả, Đỗ Xuân Luận, Nông Ngọc Hùng	Journal of Economics and Business Administration,	7: 58-65. ISSN: 2525 – 2569, 2018	
27.	Determinants of Household Income and Consumption in the North West of Vietnam: The Case of Ethnic Minority Households in <sup>[SEP]</sup> Luc Yen District, Yen Bai Province <sup>[SEP]</sup> .	Dương Hoài An, Dao Quang Dung, Do Xuan Luan, Tran Quoc Tuan	Journal of Economics and Business Administration	7: 22-27. ISSN: 2525 – 2569, 2018	
28.	Tiếp cận tín dụng chính thức trong phát triển chuỗi giá trị nông sản: Động lực cho quá trình tái cơ cấu nông nghiệp tại	Đỗ Xuân Luận và cs	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á; NXB Đại học Kinh tế TP Hồ Chí	Năm thứ. 29(10) ,Tháng 10/2018	

	khu vực Tây Bắc, Việt Nam;		Minh		
29.	Tiếp cận tín dụng chính thức của các hộ trồng quế trên địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Bằng chứng từ phương pháp trung bình hóa mô hình theo cách tiếp cận Bayes (Bayesian model average-BMA)	Đỗ Xuân Luận và cs	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	Chuyên đề Phát triển nông nghiệp bền vững khu vực Trung du, miền núi phía Bắc, Tháng 11/2018	
30.	Vai trò của hợp tác xã nông nghiệp trong cải thiện thu nhập của hộ thành viên: Nghiên cứu trường hợp hợp tác xã chè Tân Hương, vùng chè Tân Cương, tỉnh Thái Nguyên	Đỗ Xuân Luận	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	Số 17/2018	
31.	Phân tích hiệu quả kỹ thuật trồng hồng không hạt trên địa bàn huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Đỗ Xuân Luận, Hà Quang Trung, Đồng Thanh Hoàn, Hoàng Trung Vĩnh	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	Số 27 (673), tháng 9/2018	
32.	Phân tích những rào cản tiếp cận tín dụng của nông hộ VAC tại huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc	Đỗ Xuân Luận và cs	Tạp chí Kinh tế & Phát triển, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	Số 253, tháng 7 năm 2018, tr. 80-90	
33.	Determinants of Household Income of Star Anise Growers in Binh Gia District, Lang Son Province: A Panel – Data Analysis	Dương Hoài An , Hoàng Văn Cường, Đỗ Xuân Luận, Nông Ngọc Hưng	Journal of Economics and Business Administration	Số 08, tháng 12 năm 2018	
34.	Analysic elements impact to entrepreneurial intentions of software	Đoàn Thị Thanh Hiền, Đinh Ngọc	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái	Tập 188, Số 12/3, 2018	

	developers in the information technology in the Northern Viet Nam.	Lan	Nguyễn		
35.	Factors affecting Human Resource Development of Mechanical Enterprises in Vietnam	Vũ Hồng Vân, Đinh Ngọc Lan	International Journal of Management Excellence.TECHMIND RESEARCH. SOCIETY	Volume 12.No.1, 2018	
36.	Phân tích hiệu quả kỹ thuật trồng Hồng không hạt trên địa bàn huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn	Đỗ Xuân Luận, Hà Quang Trung, Đồng Thanh Hoàn, Hoàng Trung Vĩnh	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	Số 2/ (673) tháng 9/2018	
37.	The Impact of Climate Change on Tea Production: The Case of Thai Nguyen Province, Vietnam	Aaron Kingsburry, Dương Hoài An, Phạm Văn Tuấn	Journal of Economics and Business Administration	Số 08, tháng 12 năm 2018	
38.	Farmer's Perception on agricultural risks and their determinants: The case of tea production in Thai Nguyen province, Vietnam	Ho Van Bac, Teruaki Nanseki, Yosuke Chomei	Journal of the Faculty of Agriculture, Kyushu University	<i>18-Sep</i>	
39.	Value Addition in Crops and Livestock Production through Processing Linkages: The Case of 4FGF Project in Vietnam	Dương Văn Sơn	International Journal of Research Studies in Agricultural Sciences (IJRSAS).	Volume 4, Issue 3, 2018	
40.	Analyzing Household Farm Income, Off-farm Income and Mixed Income at Pho Yen Town, Thai Nguyen Province	Dương Văn Sơn		Volume 4, Issue 4, 2018	

41.	Đa dạng hóa sinh kế của nông hộ trồng chè tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Hữu Thọ và cs	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT	Tháng 11.2018	
42.	Phân tích hiệu quả kinh tế cây chè của nông hộ tỉnh Thái Nguyên.	Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ, Lê Thị Hoa Sen	Tạp chí Khoa học Công nghệ	Số 12/2. 2018, Tập 188	
43.	Phương pháp đánh giá tính dễ bị tổn thương về sinh kế của nông hộ do biến đổi khí hậu.	Bùi Thị Minh Hà, Lê Thị Hoa Sen, Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Tiến Dũng	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Số 11- Tháng 11 năm 2018, Tập 60	
44.	Ảnh hưởng của yếu tố nguồn lực tới đa dạng sinh kế nông hộ trồng chè trên địa bàn huyện Đại Từ tỉnh Thái Nguyên.	Bùi Thị Minh Hà	Tạp chí Khoa học và Công nghệ	tập 173, số 03, 2018	
45.	Technical efficiency of edible Mushroom production farms in Thai Nguyen province, Vietnam.	Vu Thi Hien, Ke-Chung peng, Meidiana Purnamasari	International Journal of Scientific & Engineering Research	Volume 9, Issue 7, July-2018. ISSN 2229-5518	
46.	The impact of unemployment on the resiliency of couples: A case study of Germany	Le Minh Tu, Jirjahn, U., Linh, D. H., Dung, N. D., & Kingsbury, A	Economic Analysis and Policy	<i>T.62-68, S.60 (2018)</i>	
47.	Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mục đích kinh doanh của các nhà phát triển phần mềm trong ngành công nghệ thông tin tại miền Bắc Việt Nam	Đoàn Thị Thanh Hiên, Đinh Ngọc Lan	Tạp chí khoa học công nghệ: chuyên san khoa học xã hội-Nhân văn-Kinh tế. Tập 188, Số 12/3. NXB: Đại học	Số 12/3, tập 188	



			Thái Nguyên		
48.	The effect of software developers' capabilities on entrepreneurial intentions in ICT industry	Đoàn Thị Thanh Hiền, Cho Sung Eui	International Journal of Entrepreneurship	Volume 22, Issue 3, 2018	
49.	The relationship between entrepreneurship education and innovative startup intentions among university students	Đoàn Thị Thanh Hiền, Cho Sung Eui	International Journal of Entrepreneurship	Volume 22, Issue 3, 2018	
50.	Giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận nghèo đa chiều tại tỉnh Thái Nguyên	Bùi Thị Thanh Tâm, Hà Quang Trung, Đỗ Xuân Luận	1. Tạp chí kinh tế và quản trị kinh doanh, số 05 (2018) số 05 (2018)	ISSN 2525-2569, số 05 tháng 03 năm 2018	
51.	Giải pháp giảm nghèo bền vững theo hướng tiếp cận nghèo đa chiều tại tỉnh Thái Nguyên	Bùi Thị Thanh Tâm, Hà Quang Trung, Đỗ Xuân Luận	Tạp chí kinh tế và quản trị kinh doanh	số 05 tháng 03 năm 2018	
52.	Tác động của vốn đầu tư đến kết quả sản xuất chè trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Việt Nam	Dương Hoài An và cs	Tạp chí kinh tế và quản trị kinh doanh	tháng 3 năm 2019	
53.	Evaluation of total factor productivity of foreign direct investment enterprises in Vietnam: an application of malmquist productivity index	Vu Thi Hien; Peng Ke -Chung; Hà Quang Trung; Nguyễn Thị Giang	International Journal of Economics, Business and Management Research	19-Aug	
54.	Vai trò của người dân trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yến, Lưu Thị Thùy	Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	Nov-19	

		Linh, Bùi Thị Thanh Tâm, Hồ Văn Bắc			
55.	Hiệu quả kỹ thuật và hiệu quả quy mô của các mô hình chè tại Thái Nguyên	Hồ Văn Bắc và cs	Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	Tháng 11/2019	
56.	Kết nối cung - cầu tín dụng chính thức nhằm thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Đỗ Xuân Luận và cs	Tạp chí Kinh tế và Phát triển	Số 268, tr. 82- 92. tháng 10 năm 2019,	
57.	Yếu tố ảnh hưởng đến sở hữu tài khoản chính thức của hộ nông thôn tỉnh Yên Bái	Đỗ Xuân Luận, Hà Quang Trung, Nguyễn Thị Yên, Dương Hoài An	Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	Trang: 228-237, tháng 11-2019,	
58.	Điện thoại thông minh thúc đẩy tiếp cận tín dụng của hộ gia đình ở Tây Bắc, Việt Nam: Hàm ý chính sách ứng dụng công nghệ số trong thúc đẩy tài chính toàn diện ở nông thôn.	Đỗ Xuân Luận	Tạp chí nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á	Tháng 11/2019	
59.	Giải pháp giảm nghèo bền vững cho huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	Lưu Thị Thùy Linh, Hồ Lương Xinh, Nguyễn Thị Yên, Trần Lệ Thị Bích Hồng, Bùi Thị Thanh Tâm, Hồ Văn Bắc	Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	Tháng 11/2019	
60.	Profit efficiency of tea production: A case study of safe and conventional	Ho Van Bac, Teruaki Nanseki,	Environment, Development and	Aug-19	

	farms in northern Vietnam	Yosuke Chomei	Sustainability		
61.	Thinking beyond collateral in value chain lending: access to bank credit for smallholder Vietnamese bamboo and cinnamon farmers	Do Xuan Luan & Kingsbury	International Food and Agribusiness Management Review	2019	
62.	Formal credit inclusion within one-commune-one-product (OCOP) in the agricultural restructuring strategy of northwestern Vietnam	Đỗ Xuân Luận và cs	Economics and Sociology	May, 2019	
63.	Impact of VietGAP tea production on farmer's income in northern Vietnam	Hồ Văn Bắc và cs	Japanese Journal of Farm Management	2019	
64.	Motivation and barriers to access to formal credit of primary cinnamon producers from the perspective of value chain development in Northwestern Vietnam	Đỗ Xuân Luận	Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies	23/12/2019	
65.	Thinking about Water Buffalo: A Visit to the Cong Bang Market of Bac Kan Province in the North of Vietnam	Aaron Kingsbury, Hà Thị Hồng, Lê Minh Tú, Kiều Thị Thu Hương	62, FOCUS on Geography	Tháng 12/2019	
66.	Tác động của BDKH tới sản xuất chè tỉnh Thái Nguyên	Bùi Thị Minh Hà, Lê Thị Hoa Sen	p.214-219, Nông nghiệp & PTNT	Tháng 11/2019	
67.	Edible Canna (Canna edulis Ker), A potential crop for Vietnam food industry	Thi- Hien Vu, Quang-Ung Le	International Journal of Botany Studies	May-19	
68.	Evaluation of Technical Efficiency and	Hien Thi Vu, Ke-	International Journal of	Sep-19	

	its determinants of edible mushroom production in Thainguyen province, Vietnam	Chung Peng, Giang Thi Nguyen, Phuong- Thanh Vu	Botany Studies		
69.	Hoạt động sinh kế của hộ dân tộc thiểu số tại một số xã trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Đặng Thị Bích Huê, Đặng Thị Mai Lan	Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	Nov-19	
70.	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số tổ hợp phân bón đến sinh trưởng, phát triển của giống sắn KM94 và KM21-12 tại trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên	Hà Việt Long, Nguyễn Việt Hưng, Trần Quốc Toán, Vũ Thị Hải Anh	Tạp chí NN & PTNT ISSN 1859-4581; page 48-54	Số 353 - (2/2019)	
71.	Một số giải pháp phát triển mô hình măng tây tại tỉnh Thái Nguyên	Dương Thị Thu Hoài, Vũ Thị Hải Anh, Kiều Thị Thu Hương, Cù Ngọc Bắc, Nguyễn Thị Hiền Thương	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - ĐHTN, 03.2019	T.196, S.03 (2019)	
72.	Farmers' decisions to adapt to flash floods and landslides in the Northern Mountainous Regions of Vietnam	Nga Pham Thi Thanh, Duy Nong, Matthias Garschagen	Journal of Environmental Management	Q1, 10/16/2019	
73.	Nhận thức của người dân về phân bón lỏng phục vụ sản xuất Nông nghiệp hữu cơ tại Đà Nẵng	Bùi Xuân Hồng, Lê Thị Thanh Loan	Tạp chí công thương	Số 7, tháng 4 năm 2019	

74.	The impact of the VBSP preferential credit on household welfare in Vietnam- A panel data analysis	Duong Hoai An	Journal of Economics and Development	DOI 10.1108/JED-08-2020-0109	
75.	Dịch vụ ngân hàng qua điện thoại di động cho người nghèo và phụ nữ tại huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Đỗ Xuân Luận và cs	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	Số 12, trang 59-63, tháng 04/2020	
76.	Cho vay qua Hội nông dân giúp khắc phục bất cân xứng thông tin và tăng cường tín dụng nông nghiệp tại Bắc Kạn	Đỗ Xuân Luận và cs	Tạp chí Kinh tế và Dự báo	Trang 8-13, Số 09, tháng 03/2020	
77.	Agriculture Economic structure transformation in Pho Yen Town, Thai Nguyen Province	Ngỗ Văn Dưỡng, Nguyễn Văn Tâm, Hà Thị Hòa, Trần Nho Hưởng	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên	225(03), 210-218, Apr-20	
78.	Sinh kế nông hộ trên địa bàn xã Tức Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Văn Tâm, Hà Thị Hòa, Trần Nho Hưởng, Bùi Thị Minh Hà, Đoàn Thị Mai, Nguyễn Đức Lương	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên	225(07): 21-28, May-20	
79.	Đánh giá hiệu quả kinh tế nuôi gà thịt trên địa bàn huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình	Dương Hoài An	Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	20-Apr	
80.	Rủi ro trong sản xuất của nông hộ vùng chè Tân Cương, thành phố Thái Nguyên	Bùi Thị Minh Hà, Nguyễn Hữu Thọ, Nguyễn Văn Tâm, Lê Thị Minh, Lê	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên	225(01): 212-219, Jan-20	

		Thị Hồng Phương			
81.	Đánh giá hiệu quả kinh tế và các yếu tố tác động đến hiệu quả kinh tế của cây na dai trên địa bàn huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn	Dương Hoài An và cs	Tạp chí Kinh tế & QTKD	Số 15 (2020)	
82.	Đánh giá sự hài lòng của người dân trong Xây dựng Nông thôn mới - Nghiên cứu trường hợp tại Lào Cai	Hà Quang Trung và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên	T.225, S.07 (2020); Tháng 7 năm 2020	
83.	The Impact of Corruption Perception Index on Foreign Direct Investment Inflows in ASEAN Countries: Evidence from A Panel Data Analysis	Dương Hoài An	Tạp chí Kinh tế và Quản trị kinh doanh	Số 14, tháng 9 năm 2020	
84.	Indigenous knowledge in climate change adaptation: Case studies of ethnic minorities in the Northern Mountain Region of Vietnam	Kiều Thị Thu Hương và cs	JVE (Journal of Vietnam Environment)	2020	
85.	Factors influencing tea farmers' decision to adopt Vietnamese Good Agricultural Practices in northern Vietnam	Hồ Văn Bắc và cs	Journal of Agricultural Economics and Development	6(2): 12-20	
86.	Nghiên cứu dự đoán số người và thời gian chấp nhận mô hình trồng hoa Atiso đỏ tại xã Phong An, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Lê Thị Hồng Phương, Lê Thị Thùy Linh, Bùi Thị Minh Hà		2020	
87.	Giải pháp về chính sách giải quyết việc làm cho người dân tộc thiểu số vùng núi	Đỗ Thùy Ninh, Đàm Thanh Thủy,	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái	T225, S.15 (2020)	

	Tây Bắc đã tốt nghiệp đại học.	Bùi Thị Minh Hà	Nguyên		
88.	Evaluation technical efficiency of potato production of using stochastic frontier analysis approach	Vu Thi Hien; Ke - Chung Peng; Hà Quang Trung; Vũ Phương Thanh	International journal of economics, business and management research	Vol 4, No 4, 2020, 2020	
89.	Efficiency measurement of edible canna production in Vietnam	Vu Thi Hien, Ke- Chung Peng, Rebecca H.Chung	AIMS Agriculture and Food, 5: 466-479	8/2020	
90.	Economic factors affecting the development of arrowroot production in Nari district, Bac Kan province	Huong Thi Dao and Hien Thi Vu	International journal of economics, business and management research, 6: 109-116	6/2020	
91.	Sự tham gia của các hộ dân trong phát triển du lịch cộng đồng tại xã Tả Van, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Đặng Thị Bích Huệ, Lành Ngọc Tú	Khoa học & công nghệ ĐHTN	Số 7, tập 225,5/2020	
92.	Thực trạng một số sản phẩm tiềm năng tham gia đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP tỉnh Cao Bằng	Đặng Thị Bích Huệ, Bùi Xuân Hồng, Đoàn Thị Mai	Tạp chí Khoc học công nghệ nông nghiệp Việt Nam	Số chuyên đề Hệ thống thực phẩm các thành phố Việt Nam - những thay đổi lớn, Trang 138-144, Tháng10/2020	
93.	Customer's Behavior on Intention to Purchase on Online Shopping in Vietnam	Đoàn Thị Mai, Trần Anh Vũ	Journal of Business and Management Sciences, 2020,2020, Vol. 8, No. 3, 85-88	T8/2020	

94.	Farmer Participation in the Lychee Value Chain of Bac Giang Province, Vietnam	Nguyen Dac Dung, Lê Minh Tú, Aaron Kinhsbury	49, Journal of Agribusiness in Developing and Emerging Economies	Apr-20	
95.	Chuỗi giá trị na tại xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Quốc Huy, Đặng Thị Bích Huệ	Tạp chí Khoc học công nghệ nông nghiệp Việt Nam	Số chuyên đề Hệ thống thực phẩm các thành phố Việt Nam - những thay đổi lớn, Trang 86-93, Tháng10/2020	
96.	Hoạt động sinh kế chính của hộ gia đình trên địa bàn huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên	Lành Ngọc Tú, Đặng Thị Bích Huệ	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên	T 225 (10): 103-112, tháng 09/2020	
97.	How has Internet addiction been tracked over the last decade: A literature review and 3C paradigm for future research	Xuan-Lam Duong, Shu-Yi Liaw, & Jean-Luc Pradel Mathurin Augustin	International Journal of Preventive Medicine [Scopus/ESCI]		

#### 4.5. Hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế tổ chức tại cơ sở đào tạo

**Bảng 5: Hội thảo, hội nghị thuộc chuyên ngành đào tạo tổ chức ở Cơ sở đào tạo, kèm theo bảng sau:**

TT	Tên hội thảo, hội nghị khoa học	Thời gian tổ chức	Cơ quan phối hợp tổ chức	Nội dung chủ yếu
1	Đào tạo giảng viên cấp tỉnh về phương pháp và kỹ năng tập huấn khuyến nông	2016	Bộ NN&PTNT	Giúp giảng viên cấp tỉnh có phương pháp và kỹ năng tập huấn khuyến nông



2	Tập huấn chương trình xây dựng Nông thôn mới cho các chủ nông hộ về quản lý và sử dụng nguồn lực	5/10/2016	Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên	Giúp các chủ nông hộ quản lý và sử dụng nguồn lực trong xây dựng Nông thôn mới
3	Tập huấn Nông thôn mới	2-4/8/2017	Văn phòng điều phối Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên	Tập huấn các nội dung liên quan tới thực hiện NTM
4	Hội thảo Khoa học: “Kết nối cung - cầu tín dụng trong phát triển chuỗi giá trị nông sản, góp phần tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới”	12/2/2017	Alumniportal Deutschland tại Việt Nam (APD Vietnam) (nhà tài trợ)	Hội thảo này nhằm mục đích chia sẻ, thảo luận những vấn đề liên quan đến những rào cản trong cung ứng tín dụng của các ngân hàng, rào cản trong tiếp cận tín dụng của các tác nhân trong chuỗi giá trị nông sản và vai trò của nhà nước, của các tổ chức NGOs trong hỗ trợ kết nối cung cầu tín dụng. Kết quả hội thảo sẽ góp phần nhận dạng rào cản, đề xuất những giải pháp kết nối cung, cầu tín dụng nông thôn nhằm tăng cường nguồn vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh nông nghiệp, góp phần nâng cao giá trị nông sản, thúc đẩy quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Hội thảo cũng nhằm mục đích kết nối các bên liên quan, nhằm tăng cường hợp tác phát triển trong phát triển chuỗi giá trị, phát triển tài chính nông thôn gắn với giảm nghèo bền vững.
5	Governance – Internationalisation- Quality Assurance: Challenges and prospects for	October 12-14, 2017	DAAD Hanoi	a 3 - day workshop is proposed with the focus on the concept of institutional autonomy and accountability. The workshop also emphasizes on capacity building for university governance and management,

	universities in Vietnam and SEA			<p>the implementation, experiences and lessons from university governance in Germany, analysis of successful case studies in Germany and adaptation prospects for Southeast Asian universities. Topics of the workshop will focus on:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Problems of current training systems &amp; demand for making a reform</li> <li>- Internationalization policies for higher education institution</li> <li>- Challenges to the quality assurance at higher education in the context of global integration</li> <li>- University Governance, institutional autonomy, university leadership</li> <li>- Conditions under which Universities can make a reform towards autonomy and accountability implementation.</li> <li>- Quality Assurance in Higher Education</li> <li>- University Leadership and Management Training Program</li> <li>- Development and Management of Internationalisation</li> <li>- Curricula development and the reform in teaching, evaluation, and research</li> </ul>
6	Tập huấn năng lực phát triển hợp tác xã và Chương trình mỗi xã phường một sản phẩm (OCOP)	17-19/1/2018	Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai	Nâng cao năng lực phát triển hợp tác xã và Chương trình mỗi xã phường một sản phẩm
7	Hội thảo “Ứng dụng Blockchain trong đào tạo, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất kinh	8/18/2018	Alumniportal Deutschland tại Việt Nam (APD	Hội thảo này nhằm mục đích thảo luận, kết nối các bên liên quan trong thiết kế, quản lý và ứng dụng Blockchain thực hiện các giao dịch trực tuyến, tiếp

	doanh nông nghiệp” và giao lưu Sinh viên với Doanh nghiệp		Vietnam) (nhà tài trợ)	thị trực tuyến, trao đổi dữ liệu sản xuất kinh doanh nông sản, quản lý hàng tồn kho nông sản, truy suất nguồn gốc QR code, chuyển tiền, mua hàng trực tuyến, ví điện tử, hạch toán ghi chép dữ liệu của tất cả các bước trong quá trình chế biến và bán nông sản ra thị trường,
8	Tọa đàm “Mỗi xã phường một sản phẩm – OCOP” và cơ hội việc làm của sinh viên	4/7/2019		Giúp sinh viên hiểu được chương trình “Mỗi xã phường một sản phẩm – OCOP” và các cơ hội việc làm

**Bảng 6: Dự án, chương trình hợp tác thuộc chuyên ngành đào tạo, kèm theo bảng danh mục:**

TT	Tên đề tài, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan tham gia	Thời gian hợp tác (tháng, năm bắt đầu, kết thúc)	Nội dung chính của hợp tác đối với Chuyên ngành
	-	-	-	-	-

**Bảng 7: Giảng viên cơ hữu thuộc chuyên ngành tham gia đào tạo tiến sĩ với CSĐT nước ngoài, kèm theo bảng:**

TT	Họ, tên giảng viên, cán bộ khoa học	Cơ sở đào tạo đến hợp tác, nước	Thời gian (tháng, năm bắt đầu, kết thúc)	Công việc thực hiện chính
	-	-	-	-

**Bảng 8: Giảng viên/Cán bộ khoa học của cơ sở đào tạo nước ngoài tham gia đào tạo chuyên ngành tiến sĩ, kèm theo bảng sau:**

TT	Họ, tên	Cơ sở đào tạo nước ngoài	Thời gian (tháng, năm bắt đầu, kết thúc)	Công việc thực hiện chính
	-	-	-	-

**1. Danh mục tên luận án tiến sĩ đã bảo vệ của chuyên ngành, nghiên cứu sinh thực hiện và người hướng dẫn**

<b>TT</b>	<b>Tên luận án tiến sĩ</b>	<b>NCS thực hiện</b>	<b>Ngày bảo vệ</b>	<b>Chuyên ngành</b>	<b>Họ tên cán bộ hướng dẫn</b>	<b>Quyết định cấp bằng, số bằng</b>
-	-	-	--	-	-	-

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**